TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 26-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên toà*:* Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST- KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty C; địa chỉ: Số 3 L, phường M, Quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T trú tại số 16 ngõ 65 T, phường M, Quận N, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1524/UQ-CHD ngày 05 tháng 11 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty H; địa chỉ: Km 89 đường 5 mới, Cụm công nghiệp N, thôn M, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mùa T trú tại số 2/167 đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-HTX ngày 25 tháng 6 năm 2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty C do ông Nguyễn Trí T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty Cổ phần B, Công ty C và Công ty H ký Hợp đồng số 0158.17/VP/HDN về các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá xuất nhập khẩu qua B năm 2017 (gọi tắt là Hợp đồng). Thực hiện nội dung Hợp đồng, trong năm 2017, theo yêu cầu của Công ty H, Công ty C đã tiến hàng cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận hàng hoá là sắt phế liệu RC cho Công ty H tại Công ty C và phát hành các hóa đơn dịch vụ giá trị gia tăng số 0009007 ngày 31/3/2017, số 0009178 ngày 19/4/2017 và yêu cầu Công ty H thanh toán cước dịch vụ với tổng số tiền là 887.522.927 đồng, các hóa đơn này Công ty C đã giao cho Công ty H ký nhận ngay sau ngày phát hành mỗi hóa đơn từ 02 đến 03 ngày. Theo quy định tại Hợp đồng sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký nhận chứng từ, hóa đơn Công ty H phải thanh toán dứt điểm cước dịch vụ còn thiếu cho Công ty C nhưng Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại hai hóa đơn nói trên. Tính đến ngày 31/8/2018 Công ty H đã trả cho Công ty C số tiền nợ từ hai hóa đơn trên là 270.000.000đ vào các ngày 04/6/2018, 11/7/2018, 31/8/2018, 31/10/2018 và còn nợ lại số tiền là 617.522.927 đồng, số tiền nợ này hai bên đã có Biên bản xác nhận nợ vào ngày 01/11/2018. Công ty C đã nhiều lần đôn đốc Công ty H trả nợ nhưng Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trong Hợp đồng đã ký. Do Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký nên Công ty C khởi kiện Công ty H tại Tòa án yêu cầu trả số tiền nợ chậm thanh toán là 617.522.927 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 9,0%/năm từ ngày 01/5/2017 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, cụ thể lãi từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/11/2018 tính bằng tháng là 19 tháng và từ ngày 04/12/2019 đến ngày xét xử tính bằng ngày.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty H đã trả cho Công ty C tổng số tiền chậm thanh toán còn nợ từ hai hóa đơn trên là 240.000.000đồng, vào các ngày 01/12/2018, 30/01/2019, 12/3/2019 trả 90.000.000 đồng (mỗi ngày trả 30.000.000đồng), ngày 01/4/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 22/4/2019 trả 100.000.000 đồng, ngày 28/5/2019 trả 30.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc là 377.522.927 đồng, tiền lãi chậm thanh toán.

Từ sau ngày 29 tháng 5 năm 2019 đến nay Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cước dịch vụ như đã cam kết tại Hợp đồng hai bên đã ký nên C khởi kiện Công ty H đề nghị Tòa án, buộc Công ty H phải trả cho Công ty C số tiền tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 là 490.405.458 đồng, trong đó: Nợ gốc là 377.522.927 đồng, lãi chậm thanh toán là 112.882.531 đồng và tiền lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty C không đồng ý để Công ty H trả dần số nợ chậm thanh toán mỗi tháng 20.000.000đồng và không đồng ý với quan điểm của bị đơn về việc cần thêm thời gian để tính lại số tiền lãi chậm trả.

Tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là Công ty H do ông Nguyễn Mùa T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty H cùng Công ty B và Công ty C có ký Hợp đồng số 0158.17/VP/HDN về các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá xuất nhập khẩu qua B năm 2017 có nội dung đúng như đại diện của nguyên đơn trình bày. Các Hóa đơn dịch vụ giá trị gia tăng số 0009007 ngày 31/3/2017 và số 0009178 ngày 19/4/2017 do Công ty C phát hành yêu cầu Công ty H trả tổng số tiền là 887.522.927 đồng, Công ty H đã nhận được ngay sau khi Công ty C phát hành mỗi hóa đơn từ 02 đến 03 ngày. Do gặp khó khăn trong kinh doanh nên Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cước dịch vụ nêu trên cho Công ty C. Tính đến ngày 31/10/2018 Công ty H mới trả cho Công ty C được 270.000.000 đồng và còn nợ 617.522.927 đồng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty H tiếp tục trả cho C số tiền 240.000.000 đồng và còn nợ 377.522.927 đồng. Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu trả số tiền trên Công ty Hetexim đồng ý và có trách nhiệm trả cho C số tiền 377.522.927 đồng nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi chậm trả, tuy trong hợp đồng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, nhưng nay Công ty C yêu cầu tính lãi trên số nợ 617.522.927 đồng là 9,0%/năm và tính từ ngày 01/5/2017 theo từng thời điểm trả nợ, Công ty H đồng ý với mức lãi suất và thời điểm tính lãi nêu trên nhưng số tiền lãi tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 là 112.882.531 đồng thì Công ty H cần thêm thời gian để kiểm tra lại mới có căn cứ trả cho Công ty C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 74, 78, 85 và 306 của Luật Thương mại; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2019 là 490.405.458 đồng, trong đó: nợ gốc 377.522.927 đồng, nợ lãi là 112.882.531 đồng. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ pháp luật:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng dịch vụ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, xét Hợp đồng số 0158.17/VP/HDN ngày

01/01/2017 về các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá xuất nhập khẩu qua Công ty B năm 2017 đã ký giữa Công ty B, Công ty C và Công ty H đã được các bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán tiền cước dịch vụ: Theo nội dung Hợp đồng đã ký, trong năm 2017 Công ty C đã cung cấp dịch vụ xếp dỡ, giao nhận hàng hóa là sắt phế liệu RC cho Công ty H tại Công ty C và yêu cầu Công ty H thanh toán tiền cước dịch vụ là 887.522.927 đồng theo các hóa đơn dịch vụ giá trị gia tăng số 0009007 ngày 31/3/207 và số 0009178 ngày 19/4/2017, Công ty H đã nhận được các hóa đơn này ngay sau ngày phát hành mỗi hóa đơn từ 02 đến 03 ngày. Theo quy định tại mục 5 Điều V của Hợp đồng, sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, chứng từ Công ty H phải thanh toán dứt điểm cước dịch vụ còn thiếu cho Cảng nhưng đến ngày 04/6/2018 Công ty H mới bắt đầu trả Công ty C số tiền 100.000.000 đồng là đã vi phạm thời hạn thanh toán sau khi nhận được hóa đơn. Tính đến ngày 31/10/2018 Công ty H đã trả cho Công ty C cước dịch vụ ở hai hóa đơn trên là 270.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 617.522.927 đồng, điều này được thể hiện trong Biên bản xác nhận nợ ngày 01/11/2018 được lập giữa các bên. Từ ngày 03/12/2018 đến ngày 28/5/2019 Công ty H đã trả cho Công ty C số tiền là 240.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 377.522.927 đồng. Nay C khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả cho Công ty C tiền cước dịch vụ còn thiếu 377.522.927 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 85 của Luật Thương mại. Bị đơn có quan điểm đề nghị trả dần số tiền trên mỗi tháng 20.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về thời hạn phát sinh lãi chậm trả: Ngày 31/3/2017 và ngày 19/4/2017 C phát hành hóa đơn yêu cầu Công ty H thanh toán tiền cước dịch vụ với tổng số tiền là 887.522.927 đồng và Công ty H đã nhận được các hóa đơn này sau ngày phát hành mỗi hóa đơn từ 02 đến 03 ngày nhưng đến này 04/6/2018 Công ty H mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C với số tiền là 100.000.000 đồng là đã vi phạm về thời hạn thanh toán quy định tại điểm 5 Điều V của Hợp đồng. Nếu theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng thì Công ty H phải chịu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả ở các hóa đơn trên từ tháng 4/2017 nhưng Công ty C chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 617.522.927 đồng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 là có lợi cho bị đơn và Công ty H cũng đồng ý thời điểm phát sinh lãi chậm trả do Công ty C đưa ra nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên về thời điểm phát sinh lãi chậm thanh toán đối với số tiền 617.522.927 đồng từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

[5] Về căn cứ tính mức lãi suất chậm thanh toán: Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn

cung cấp và do Tòa án thu thập thể hiện lãi suất nợ quá hạn trung bình của các Ngân hàng chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm hiện tại là 10,27%, Công ty C yêu cầu tính lãi 9,0%/năm trên số nợ chậm thanh toán, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và đại diện bị đơn cũng đồng ý với mức lãi suất như trên. Xét, quan điểm của các đương sự về mức lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về mức lãi suất chậm trả là 9,0%/năm và số tiền lãi chậm trả Công ty H phải chịu, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/5/2018 đến ngày 30/11/2018 là: 19 (tháng) x 9,0%/12 x 617.522.927 đồng = 87.997.017 đồng.

Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 08/01/2019 là: 36 (ngày) x 9,0%/365 x 587.522.927 đồng = 5.215.272 đồng

Từ ngày 09/01/2019 đến ngày 29/01/2019 là: 21 (ngày) x 9,0%/365 x 587.522.927 đồng = 3.042.242 đồng

Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 11/3/2019 là: 39 (ngày) x 9,0%/365 x 557.522.927 đồng = 5.361.385 đồng

Từ ngày 13/3/2019 đến ngày 21/3/2019 là: 09 (ngày) x 9,0%/365 x 527.522.927 đồng = 1.170.667 đồng

Từ ngày 22/3/2019 đến ngày 01/4/2019 là: 11 (ngày) x 9,0%/365 x 507.522.927 đồng = 1.376.569 đồng

Từ ngày 02/4/2019 đến ngày 21/4/2019 là: 20 (ngày) x 9,0%/365 x 507.522.927 đồng = 2.502.853 đồng

Từ ngày 23/4/2019 đến ngày 27/5/2019 là: 35 (ngày) x 9,0%/365 x 407.522.927 đồng = 3.516.979 đồng

Từ ngày 29/5/2019 đến ngày 26/5/2019 là: 29 (ngày) x 9,0%/365 x 377.522.927 đồng = 2.699.548 đồng

Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 Công ty H phải trả cho Công ty C là 112.882.531 đồng. Bị đơn đề nghị cần thêm thời gian để tính toán lại số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý. Như đã phân tích ở trên, căn cứ tính lãi của nguyên đơn đưa ra là phù hợp và cũng được bị đơn đồng ý tại phiên tòa, mặt khác một phần tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán cũng đã được bị đơn đồng ý tại Bản tự khai gửi cho Tòa án ngày 01 tháng 02 năm 2019, điều đó thể hiện bị đơn đã biết rõ cách tính lãi và số tiền lãi phải trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Do vậy, quan điểm của bị đơn về việc cần thêm thời gian để tính toán lại số tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng số tiền Công ty H phải trả cho Công ty C tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 là 490.405.458 đồng, trong đó nợ gốc 377.522.927 đồng, nợ lãi chậm trả 112.882.531 đồng.

[7] Về tiền lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm: Công ty C yêu cầu Công ty H tiếp tục trả lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong nợ. Xét, hợp đồng dịch vụ các bên ký không có thỏa thuận về mức lãi suất cụ thể nên nếu Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[8] Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C được Tòa án chấp nhận để nộp vào ngân sách Nhà nước, trả lại C số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468; Điều 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 74, 78, 85 và 306 của Luật Thương mại; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C, buộc: Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2019 là 490.405.458 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu bốn trăm linh năm nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 377.522.927 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi chậm trả là 112.882.531đồng (Một trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty H phải chịu 23.616.218 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm mười tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Công ty C 15.615.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0004066 ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên